

CỤC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ
VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG XÉT CẤP CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
HẠNG I NĂM 2025

Số: /TB-HĐXC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

**Kết quả sát hạch xét cấp chứng chỉ hành nghề
đo đạc và bản đồ hạng I năm 2025**

Ngày 15 tháng 10 năm 2025, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2025 của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam (sau đây viết tắt là Hội đồng xét cấp) đã tổ chức họp Hội đồng, thông qua và thống nhất kết quả sát hạch xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2025. Hội đồng xét cấp đã báo cáo Cục trưởng Cục Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam kết quả sát hạch nêu trên.

Được sự đồng ý của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Hội đồng xét cấp trân trọng thông báo kết quả sát hạch đến các cá nhân tham gia sát hạch gồm các nội dung sau:

1. Điểm sát hạch xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2025 (chi tiết tại Phụ lục 01).

2. Tổng hợp kết quả sát hạch xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2025 (chi tiết tại Phụ lục 02).

Thông báo này được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam tại địa chỉ: <https://dosm.vn.monre.gov.vn>.

Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2025 trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục trưởng Hoàng Ngọc Lâm (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng;
- Văn phòng Cục (để đăng tải);
- Lưu: VT, HĐXC.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

**PHÓ CỤC TRƯỞNG
Dương Văn Hải**

Phụ lục 1

TỔNG HỢP ĐIỂM SÁT HẠCH XÉT CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ HẠNG I NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐXC ngày tháng 10 năm 2025
của Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2025)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Nguyễn Đức An	Nam	10/8/1989	CCHN.001	0					0		Vắng thi
2	Lê Ngọc Anh	Nam	29/9/1995	CCHN.002	12.5					0		
3	Đào Văn Ba	Nam	08/10/1986	CCHN.003	27.5					47.5		
4	Nguyễn Văn Cầm	Nam	05/10/1978	CCHN.004	35					45		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
5	Nguyễn Văn Chúc	Nam	19/5/1977	CCHN.005	30		Miễn KNNN			Miễn KNNN		
6	Đình Công Cường	Nam	13/9/1977	CCHN.006	37.5					35		
7	Nguyễn Tấn Cường	Nam	16/6/1974	CCHN.007	27.5					42.5		
8	Nguyễn Anh Đắc	Nam	27/10/1994	CCHN.008	22.5					25		
9	Nguyễn Văn Đại	Nam	28/02/1990	CCHN.009	0					0		Vắng thi
10	Bùi Văn Đàm	Nam	17/7/1965	CCHN.010	27.5					42.5		
11	Lê Trí Đạt	Nam	16/12/1975	CCHN.011	25	40	57.5			42.5		
12	Hoàng Cao Định	Nam	03/02/1986	CCHN.012	27.5					27.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
13	Từ Tấn Dư	Nam	02/02/1980	CCHN.013	27.5					37.5		
14	Nguyễn Văn Dư	Nam	24/10/1992	CCHN.014	27.5					37.5		
15	Nguyễn Văn Đức	Nam	23/3/1986	CCHN.015	32.5	45				42.5		
16	Đậu Quốc Đức	Nam	12/02/1984	CCHN.016	0					0		Vắng thi
17	Bùi Minh Đức	Nam	05/8/1988	CCHN.017	32.5					40		
18	Trần Quốc Dũng	Nam	17/3/1978	CCHN.018	35					40		
19	Đoàn Mạnh Dũng	Nam	07/4/1989	CCHN.019	35					42.5		
20	Nguyễn Văn Dũng	Nam	21/11/1979	CCHN.020	0					0		Vắng thi

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
21	Đinh Văn Dục	Nam	30/11/1975	CCHN.021	35					42.5		
22	Trương Phú Đương	Nam	26/6/1978	CCHN.022	22.5					27.5		
23	Triệu Hùng Duy	Nam	29/6/1984	CCHN.023	25					37.5		
24	Đỗ Văn Duy	Nam	18/6/1982	CCHN.024	32.5					52.5		
25	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	06/11/1979	CCHN.025	32.5	42.5	37.5					
26	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	20/3/1973	CCHN.026	15		17.5			30		
27	Vũ Thị Hà	Nữ	12/4/1987	CCHN.027	17.5					0		
28	Trần Trí Hải	Nam	21/3/1993	CCHN.028	30					42.5		
29	Trần Nam Hải	Nam	17/4/1977	CCHN.029	40					47.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
30	Trần Minh Hằng	Nữ	11/11/1973	CCHN.030	40	Miễn KNNN			Miễn KNNN	Miễn KNNN	Miễn KNNN	
31	Lý Thu Hằng	Nữ	31/10/1979	CCHN.031	40	Miễn KNNN	Miễn KNNN		Miễn KNNN		Miễn KNNN	
32	Cao Thị Diễm Hằng	Nữ	19/12/1979	CCHN.032	12.5	0	0			0		Vắng thi
33	Lường Thị Hạnh	Nữ	06/7/1984	CCHN.033	25	0				22.5		
34	Nguyễn Văn Hảo	Nam	07/01/1965	CCHN.034	30					27.5		
35	Đỗ Thị Hoài	Nữ	05/6/1976	CCHN.035	30	Miễn KNNN		Miễn KNNN		Miễn KNNN	Miễn KNNN	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
36	Trương Văn Hùng	Nam	09/10/1994	CCHN.036	20					40		
37	Trịnh Văn Hùng	Nam	05/5/1988	CCHN.037	Miễn PL					45		
38	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	17/11/1980	CCHN.038	35					35		
39	Vũ Ngọc Hưng	Nam	03/11/1982	CCHN.039	25		27.5			40		
40	Nguyễn Hoàng Hưng	Nam	17/6/1978	CCHN.040	35					50		
41	Nguyễn Thị Diễm Hương	Nữ	24/5/1994	CCHN.041	35					37.5		
42	Hoàng Quang Huy	Nam	08/7/1982	CCHN.042	35					42.5		
43	Trương Minh Huy	Nam	16/02/1984	CCHN.043	37.5					47.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
44	Tòng Văn Khiển	Nam	14/01/1989	CCHN.044	27.5					35		
45	Nguyễn Đình Kiên	Nam	11/10/1993	CCHN.045	22.5	45	47.5			47.5		
46	Dương Văn Kiên	Nam	26/5/1992	CCHN.046	40					30		
47	Phạm Văn Lạc	Nam	15/8/1978	CCHN.047	0					0		Vắng thi
48	Trương Ngọc Lâm	Nam	26/12/1980	CCHN.048	30		35					
49	Vũ Trọng Lâm	Nam	25/10/1991	CCHN.049	0					0		Vắng thi
50	Đặng Văn Lắm	Nam	08/9/1979	CCHN.050	25					32.5		
51	Nguyễn Thị Lê	Nữ	27/10/1983	CCHN.051	30					40		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
52	Hồ Trọng Liên	Nam	25/10/1979	CCHN.052	30					50		
53	Phan Tấn Linh	Nam	22/12/1994	CCHN.053	0					0		Vắng thi
54	Nguyễn Thị Loan	Nữ	18/10/1985	CCHN.054	30	35				42.5		
55	Lê Hà Như Lộc	Nam	12/12/1983	CCHN.055	0					0		Vắng thi
56	Ngô Hữu Lợi	Nam	26/10/1990	CCHN.056	25					42.5		
57	Nguyễn Tấn Lực	Nam	18/9/1978	CCHN.057	27.5					35		
58	Hồ Văn Lực	Nam	09/8/1991	CCHN.058	32.5					30		
59	Phan Thị Lương	Nữ	09/10/1978	CCHN.059	32.5	40	42.5			35		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
60	Phan Ngọc Lưu	Nam	05/5/1988	CCHN.060	0					0		Vắng thi
61	Mai Thị Lý	Nữ	20/11/1975	CCHN.061	32.5		40			47.5		
62	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	08/4/1986	CCHN.062	0					0		Vắng thi
63	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	19/12/1986	CCHN.063	25					32.5		
64	Vũ Đức Nam	Nam	19/10/1971	CCHN.064	35	42.5	42.5					
65	Đào Thị Nga	Nữ	20/12/1981	CCHN.065	40		45	55	52.5	52.5	52.5	
66	Đặng Thị Nguyệt Nga	Nữ	10/7/1986	CCHN.066	37.5					30		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
67	Nguyễn Ngọc Ngà	Nam	26/5/1983	CCHN.067	0	0						Vắng thi
68	Tạ Thị Ngân	Nữ	16/11/1985	CCHN.068	32.5	52.5	45			20		
69	Vũ Thị Bích Ngọc	Nữ	05/12/1975	CCHN.069	30	37.5		0		27.5		
70	Nguyễn Hữu Ngọc	Nam	23/6/1990	CCHN.070	32.5					40		
71	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	10/10/1984	CCHN.071	27.5		42.5			40		
72	Dương Thị Mỹ Nương	Nữ	28/4/1980	CCHN.072	22.5					35		
73	Nguyễn Mạnh Phong	Nam	21/5/1980	CCHN.073	0					0		Vắng thi
74	Phan Thế Phong	Nam	04/5/1990	CCHN.074	17.5					15		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
75	Trần Vũ Phúc	Nam	15/7/1986	CCHN.075	37.5					40		
76	Hoàng Duy Phúc	Nam	21/8/1992	CCHN.076	27.5					45		
77	Phạm Lê Phương	Nam	06/10/1984	CCHN.077	37.5	50	42.5			42.5	52.5	
78	Nguyễn Xuân Phương	Nữ	18/7/1988	CCHN.078	37.5		47.5			55		
79	Lê Thị Quang	Nữ	14/10/1993	CCHN.079	27.5					27.5		
80	Hoàng Minh Quyết	Nam	28/9/1991	CCHN.080	30					27.5		
81	Nguyễn Văn Quỳnh	Nam	12/5/1977	CCHN.081	27.5	35				42.5		
82	Nguyễn Văn Sáng	Nam	25/7/1987	CCHN.082	32.5					37.5		
83	Hà Hải Sơn	Nam	11/5/1987	CCHN.083	0	0	0			0		Vắng thi

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
84	Nguyễn Công Sơn	Nam	20/8/1981	CCHN.084	37.5	Miễn KNNN	Miễn KNNN			Miễn KNNN		
85	Nguyễn Trường Sơn	Nam	20/3/1982	CCHN.085	35					42.5		
86	Trần Thái Sơn	Nam	24/3/1987	CCHN.086	32.5					45		
87	Trần Y Tài	Nam	20/10/1979	CCHN.087	0					0		Vắng thi
88	Đỗ Hồng Liên Tài	Nam	14/02/1990	CCHN.088	0					0		Vắng thi
89	Đỗ Văn Thái	Nam	13/02/1978	CCHN.089	35	42.5	42.5		0	32.5		
90	Lê Xuân Thái	Nam	08/02/1989	CCHN.090	22.5	27.5						

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
91	Ngô Bá Thái	Nam	23/10/1972	CCHN.091	0	0						Vắng thi
92	Bùi Sỹ Thắng	Nam	26/3/1979	CCHN.092	22.5					37.5		
93	Nguyễn Quốc Thắng	Nam	25/5/1978	CCHN.093	0					0		Vắng thi
94	Thái Đình Thanh	Nam	05/5/1967	CCHN.094	0					0		Vắng thi
95	Nguyễn Tăng Nhật Thành	Nam	03/7/1994	CCHN.095	30	52.5				45		
96	Nguyễn Công Thành	Nam	14/11/1987	CCHN.096	20	47.5				45		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
97	Nguyễn Văn Thảo	Nam	01/02/1959	CCHN.097	Miễn PL	Miễn KNNN					Miễn KNNN	
98	Nguyễn Từ Thiêm	Nam	22/7/1973	CCHN.098	27.5					40		
99	Chu Huy Thịnh	Nam	10/3/1995	CCHN.099	40		42.5			42.5		
100	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	05/8/1996	CCHN.100	30					30		
101	Nguyễn Duy Thông	Nam	07/4/1994	CCHN.101	25	45				30		
102	Nguyễn Văn Thủ	Nam	08/02/1977	CCHN.102	37.5	32.5	42.5			47.5		
103	Trương Như Thuần	Nam	15/9/1981	CCHN.103	40	40				50		
104	Trần Ngọc Thúy	Nữ	23/6/1995	CCHN.104	32.5					50		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
105	Nguyễn Thanh Thủy	Nam	20/4/1984	CCHN.105	37.5	Miễn KNNN		Miễn KNNN	Miễn KNNN		Miễn KNNN	
106	Trần Văn Tiếp	Nam	04/10/1982	CCHN.106	22.5	42.5				32.5		
107	Nguyễn Thanh Triều	Nam	04/4/1985	CCHN.107	32.5					42.5		
108	Nguyễn Quang Trung	Nam	06/7/1981	CCHN.108	0						0	Vắng thi
109	Trần Quang Trung	Nam	01/8/1988	CCHN.109	30					37.5		
110	Trương Minh Trường	Nam	28/02/1994	CCHN.110	37.5					35		
111	Quách Mạnh Tuấn	Nam	14/11/1986	CCHN.111	32.5					35		
112	Nguyễn Hữu Tùng	Nam	20/9/1986	CCHN.112	35	47.5				40		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
113	Lê Thanh Tùng	Nam	10/10/1990	CCHN.113	0					0		Vắng thi
114	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	11/5/1983	CCHN.114	0	0						Vắng thi
115	Lưu Như Tuyền	Nam	20/8/1979	CCHN.115	25					37.5		
116	Trần Thị Hà Vân	Nữ	06/4/1989	CCHN.116	37.5				60			
117	Nguyễn Thị Hải Vân	Nữ	18/10/1977	CCHN.117	30					45		
118	Võ Quốc Việt	Nam	11/10/1983	CCHN.118	0	0						Vắng thi
119	Nguyễn Khắc Việt	Nam	10/4/1978	CCHN.119	20					27.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
120	Trần Xuân Vinh	Nam	17/3/1987	CCHN.120	0					0		Vắng thi
121	Nguyễn Quốc Vũ	Nam	20/10/1983	CCHN.121	27.5					37.5		
122	Ngô Văn Xuân	Nam	11/12/1976	CCHN.122	32.5					35		
123	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	17/01/1983	CCHN.123	22.5					32.5		

Ghi chú:

- * Miễn KNNN: Miễn sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp
- * Miễn PL: Miễn sát hạch kiến thức pháp luật
- * 0: Vắng thi sát hạch.

Phụ lục 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH XÉT CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ HẠNG I NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐXC ngày tháng 10 năm 2025
của Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2025)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
I	Danh sách thí sinh ĐẠT yêu cầu về điểm thi sát hạch để xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I theo nội dung (24 người)										
1	Nguyễn Văn Cầm	Nam	05/10/1978	CCHN.004					80		
2	Lê Trí Đạt	Nam	16/12/1975	CCHN.011	65	82.5			67.5		
3	Đỗ Văn Duy	Nam	18/6/1982	CCHN.024					85		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
4	Trần Nam Hải	Nam	17/4/1977	CCHN.029					87.5		
5	Trần Minh Hằng	Nữ	11/11/1973	CCHN.030	40 (KTPL) + Miễn KNNN			40 (KTPL) + Miễn KNNN	40 (KTPL) + Miễn KNNN	40 (KTPL) + Miễn KNNN	Miễn KNNN
6	Lý Thu Hằng	Nữ	31/10/1979	CCHN.031	40 (KTPL) + Miễn KNNN	40 (KTPL) + Miễn KNNN		40 (KTPL) + Miễn KNNN		40 (KTPL) + Miễn KNNN	Miễn KNNN
7	Nguyễn Hoàng Hưng	Nam	17/6/1978	CCHN.040					85		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
8	Trương Minh Huy	Nam	16/02/1984	CCHN.043					85		
9	Hồ Trọng Liên	Nam	25/10/1979	CCHN.052					80		
10	Mai Thị Lý	Nữ	20/11/1975	CCHN.061		72.5			80		
11	Đào Thị Nga	Nữ	20/12/1981	CCHN.065		85	95	92.5	92.5	92.5	
12	Tạ Thị Ngân	Nữ	16/11/1985	CCHN.068	85	77.5			52.5		
13	Phạm Lê Phương	Nam	06/10/1984	CCHN.077	87.5	80			80	90	
14	Nguyễn Xuân Phương	Nữ	18/7/1988	CCHN.078		85			92.5		
15	Nguyễn Công Sơn	Nam	20/8/1981	CCHN.084	37.5 (KTPL)	37.5 (KTPL)			37.5 (KTPL)		Miễn KNNN

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
					+ Miễn KNNN	+ Miễn KNNN			+ Miễn KNNN		
16	Nguyễn Tăng Nhật Thành	Nam	03/7/1994	CCHN.095	82.5				75		
17	Nguyễn Văn Thảo	Nam	01/02/1959	CCHN.097	Miễn PL + Miễn KNNN					Miễn PL + Miễn KNNN	Miễn PL Miễn KNNN
18	Chu Huy Thịnh	Nam	10/3/1995	CCHN.099		82.5			82.5		
19	Nguyễn Văn Thủ	Nam	08/02/1977	CCHN.102	70	80			85		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
II	Danh sách thí sinh KHÔNG ĐẠT yêu cầu về điểm thi sát hạch để xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I (99 người)										
1	Nguyễn Đức An	Nam	10/8/1989	CCHN.001					0		
2	Lê Ngọc Anh	Nam	29/9/1995	CCHN.002					12.5 (KTPL)		
3	Đào Văn Ba	Nam	08/10/1986	CCHN.003					75		
4	Nguyễn Văn Chúc	Nam	19/5/1977	CCHN.005		30 (KTPL) + Miễn KNNN			30 (KTPL) + Miễn KNNN		Miễn KNNN

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
5	Đinh Công Cường	Nam	13/9/1977	CCHN.006					72.5		
6	Nguyễn Tấn Cường	Nam	16/6/1974	CCHN.007					70		
7	Nguyễn Anh Đắc	Nam	27/10/1994	CCHN.008					47.5		
8	Nguyễn Văn Đại	Nam	28/02/1990	CCHN.009					0		
9	Bùi Văn Đàm	Nam	17/7/1965	CCHN.010					70		
10	Hoàng Cao Định	Nam	03/02/1986	CCHN.012					55		
11	Từ Tấn Dư	Nam	02/02/1980	CCHN.013					65		
12	Nguyễn Văn Dữ	Nam	24/10/1992	CCHN.014					65		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
13	Nguyễn Văn Đức	Nam	23/3/1986	CCHN.015	77.5				75		
14	Đậu Quốc Đức	Nam	12/02/1984	CCHN.016					0		
15	Bùi Minh Đức	Nam	05/8/1988	CCHN.017					72.5		
16	Trần Quốc Dũng	Nam	17/3/1978	CCHN.018					75		
17	Đoàn Mạnh Dũng	Nam	07/4/1989	CCHN.019					77.5		
18	Nguyễn Văn Dũng	Nam	21/11/1979	CCHN.020					0		
19	Đinh Văn Dục	Nam	30/11/1975	CCHN.021					77.5		
20	Trương Phú Đương	Nam	26/6/1978	CCHN.022					50		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
21	Triệu Hùng Duy	Nam	29/6/1984	CCHN.023					62.5		
22	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	06/11/1979	CCHN.025	75	70					
23	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	20/3/1973	CCHN.026		32.5			45		
24	Vũ Thị Hà	Nữ	12/4/1987	CCHN.027					17.5 (KTPL)		
25	Trần Trí Hải	Nam	21/3/1993	CCHN.028					72.5		
26	Cao Thị Diễm Hằng	Nữ	19/12/1979	CCHN.032	12.5 (KTPL)	12.5 (KTPL)			12.5 (KTPL)		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
27	Lường Thị Hạnh	Nữ	06/7/1984	CCHN.033	25 (KTPL)				47.5		
28	Nguyễn Văn Hảo	Nam	07/01/1965	CCHN.034					57.5		
29	Đỗ Thị Hoài	Nữ	05/6/1976	CCHN.035	30 (KTPL) + Miễn KNNN		30 (KTPL) + Miễn KNNN		30 (KTPL) + Miễn KNNN	30 (KTPL) + Miễn KNNN	Miễn KNNN
30	Trương Văn Hùng	Nam	09/10/1994	CCHN.036					60		
31	Trịnh Văn Hùng	Nam	05/5/1988	CCHN.037					Miễn PL+45		Miễn PL

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
32	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	17/11/1980	CCHN.038					70		
33	Vũ Ngọc Hưng	Nam	03/11/1982	CCHN.039		52.5			65		
34	Nguyễn Thị Diễm Hương	Nữ	24/5/1994	CCHN.041					72.5		
35	Hoàng Quang Huy	Nam	08/7/1982	CCHN.042					77.5		
36	Tòng Văn Khiển	Nam	14/01/1989	CCHN.044					62.5		
37	Nguyễn Đình Kiên	Nam	11/10/1993	CCHN.045	67.5	70			70		
38	Dương Văn Kiên	Nam	26/5/1992	CCHN.046					70		
39	Phạm Văn Lạc	Nam	15/8/1978	CCHN.047					0		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
40	Trương Ngọc Lâm	Nam	26/12/1980	CCHN.048		65					
41	Vũ Trọng Lâm	Nam	25/10/1991	CCHN.049					0		
42	Đặng Văn Lắm	Nam	08/9/1979	CCHN.050					57.5		
43	Nguyễn Thị Lê	Nữ	27/10/1983	CCHN.051					70		
44	Phan Tấn Linh	Nam	22/12/1994	CCHN.053					0		
45	Nguyễn Thị Loan	Nữ	18/10/1985	CCHN.054	65				72.5		
46	Lê Hà Như Lộc	Nam	12/12/1983	CCHN.055					0		
47	Ngô Hữu Lợi	Nam	26/10/1990	CCHN.056					67.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
48	Nguyễn Tấn Lực	Nam	18/9/1978	CCHN.057					62.5		
49	Hồ Văn Lực	Nam	09/8/1991	CCHN.058					62.5		
50	Phan Thị Lương	Nữ	09/10/1978	CCHN.059	72.5	75			67.5		
51	Phan Ngọc Lưu	Nam	05/5/1988	CCHN.060					0		
52	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	08/4/1986	CCHN.062					0		
53	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	19/12/1986	CCHN.063					57.5		
54	Vũ Đức Nam	Nam	19/10/1971	CCHN.064	77.5	77.5					
55	Đặng Thị Nguyệt Nga	Nữ	10/7/1986	CCHN.066					67.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
56	Nguyễn Ngọc Ngà	Nam	26/5/1983	CCHN.067	0						
57	Vũ Thị Bích Ngọc	Nữ	05/12/1975	CCHN.069	67.5		30 (KTPL)		57.5		
58	Nguyễn Hữu Ngọc	Nam	23/6/1990	CCHN.070					72.5		
59	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	10/10/1984	CCHN.071		70			67.5		
60	Dương Thị Mỹ Nương	Nữ	28/4/1980	CCHN.072					57.5		
61	Nguyễn Mạnh Phong	Nam	21/5/1980	CCHN.073					0		
62	Phan Thế Phong	Nam	04/5/1990	CCHN.074					32.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
63	Trần Vũ Phúc	Nam	15/7/1986	CCHN.075					77.5		
64	Hoàng Duy Phúc	Nam	21/8/1992	CCHN.076					72.5		
65	Lê Thị Quang	Nữ	14/10/1993	CCHN.079					55		
66	Hoàng Minh Quyết	Nam	28/9/1991	CCHN.080					57.5		
67	Nguyễn Văn Quỳnh	Nam	12/5/1977	CCHN.081	62.5				70		
68	Nguyễn Văn Sáng	Nam	25/7/1987	CCHN.082					70		
69	Hà Hải Sơn	Nam	11/5/1987	CCHN.083	0	0			0		
70	Nguyễn Trường Sơn	Nam	20/3/1982	CCHN.085					77.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
71	Trần Thái Sơn	Nam	24/3/1987	CCHN.086					77.5		
72	Trần Y Tài	Nam	20/10/1979	CCHN.087					0		
73	Đỗ Hồng Liên Tài	Nam	14/02/1990	CCHN.088					0		
74	Đỗ Văn Thái	Nam	13/02/1978	CCHN.089	77.5	77.5		35 (KTPL)	67.5		
75	Lê Xuân Thái	Nam	08/02/1989	CCHN.090	50						
76	Ngô Bá Thái	Nam	23/10/1972	CCHN.091	0						
77	Bùi Sỹ Thắng	Nam	26/3/1979	CCHN.092					60		
78	Nguyễn Quốc Thắng	Nam	25/5/1978	CCHN.093					0		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
79	Thái Đình Thanh	Nam	05/5/1967	CCHN.094					0		
80	Nguyễn Công Thành	Nam	14/11/1987	CCHN.096	67.5				65		
81	Nguyễn Từ Thiêm	Nam	22/7/1973	CCHN.098					67.5		
82	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	05/8/1996	CCHN.100					60		
83	Nguyễn Duy Thông	Nam	07/4/1994	CCHN.101	70				55		
84	Trần Văn Tiếp	Nam	04/10/1982	CCHN.106	65				55		
85	Nguyễn Thanh Triều	Nam	04/4/1985	CCHN.107					75		
86	Nguyễn Quang Trung	Nam	06/7/1981	CCHN.108						0	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
87	Trần Quang Trung	Nam	01/8/1988	CCHN.109					67.5		
88	Trương Minh Trường	Nam	28/02/1994	CCHN.110					72.5		
89	Quách Mạnh Tuấn	Nam	14/11/1986	CCHN.111					67.5		
90	Lê Thanh Tùng	Nam	10/10/1990	CCHN.113					0		
91	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	11/5/1983	CCHN.114	0						
92	Lưu Như Tuyển	Nam	20/8/1979	CCHN.115					62.5		
93	Nguyễn Thị Hải Vân	Nữ	18/10/1977	CCHN.117					75		
94	Võ Quốc Việt	Nam	11/10/1983	CCHN.118	0						

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
95	Nguyễn Khắc Việt	Nam	10/4/1978	CCHN.119					47.5		
96	Trần Xuân Vinh	Nam	17/3/1987	CCHN.120					0		
97	Nguyễn Quốc Vũ	Nam	20/10/1983	CCHN.121					65		
98	Ngô Văn Xuân	Nam	11/12/1976	CCHN.122					67.5		
99	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	17/01/1983	CCHN.123					55		

Ghi chú:

* Miễn KNNN: Miễn sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp

* Miễn PL: Miễn sát hạch kiến thức pháp luật.

* Cá nhân có kết quả sát hạch từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu xét cấp chứng chỉ hành nghề.

* Cá nhân được miễn sát hạch kiến thức pháp luật, có kết quả sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp từ 48 điểm trở lên thì đạt yêu cầu xét cấp chứng chỉ hành nghề.

* Cá nhân được miễn sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp, có kết quả sát hạch kiến thức pháp luật từ 32 điểm trở lên thì đạt yêu cầu xét cấp chứng chỉ hành nghề.